

NHẬN ĐỊNH THƯƠNG MẠI VIỆT NAM VỚI TRUNG QUỐC

Hoàng Đức Thân*

Ngày nhận: 30/6/2014

Ngày nhận bản sửa: 16/7/2014

Ngày duyệt đăng: 25/7/2014

Tóm tắt:

Xuất nhập khẩu hàng hóa giữa Việt Nam và Trung Quốc có mức tăng trưởng luôn cao hơn mức tăng chung của cả nước. Thực trạng cho thấy kim ngạch xuất khẩu hàng hóa của Việt Nam sang Trung Quốc chiếm khoảng trên 10% tổng kim ngạch xuất khẩu hàng hóa cả nước nhưng kim ngạch nhập khẩu lại chiếm khoảng 25% kim ngạch nhập khẩu cả nước; Nhập siêu từ thị trường Trung Quốc tăng với tốc độ cao. Bài viết đánh giá tác động trong ngắn hạn và dài hạn khi giảm lệ thuộc vào thị trường Trung Quốc, đồng thời khuyến nghị 6 giải pháp ngắn hạn và 5 giải pháp dài hạn để giảm tác động tiêu cực trong xuất nhập khẩu hàng hóa với Trung Quốc.

Từ khóa: Thương mại Việt Nam Trung Quốc; Xuất nhập khẩu hàng hóa Việt Nam Trung Quốc.

1. Đặt vấn đề

Quan hệ thương mại giữa các quốc gia trong thế giới phẳng hiện nay là tất yếu khách quan. Việt Nam chủ trương phát triển quan hệ với mọi quốc gia trên cơ sở tôn trọng độc lập, chủ quyền và các bên cùng có lợi. Việt Nam đã có quan hệ thương mại với gần hai trăm nước và vùng lãnh thổ. Thương mại quốc tế đã có đóng góp quan trọng trong phát triển kinh tế, xã hội nước ta và nâng cao vị thế của Việt Nam trên thế giới. Trong xu thế đẩy mạnh hội nhập quốc tế của Việt Nam thì việc phát triển xuất nhập khẩu hàng hóa với Trung Quốc- một thị trường lớn và khá phù hợp với điều kiện sản xuất của nước ta, là cần thiết. Tuy nhiên, sự tập trung quá mức vào thị trường này và gia tăng nhập siêu từ Trung Quốc rõ ràng chứa đựng nhiều rủi ro cho chúng ta. Cần có những nghiên cứu sâu về quan hệ kinh tế giữa hai nước nói chung, xuất nhập khẩu hàng hóa Việt Nam với Trung Quốc nói riêng để đánh giá đúng đắn và có những giải pháp khoa học nhằm không bị lệ thuộc, chi phối nguy hiểm, vừa khai thác được lợi ích từ thị trường rộng lớn này.

2. Hiện trạng xuất nhập khẩu và cán cân thương mại Việt Nam với Trung Quốc

Trung Quốc là một trong những thị trường xuất nhập khẩu hàng hóa lớn của Việt Nam. Tốc độ tăng

trường kim ngạch xuất nhập khẩu của Việt Nam với Trung Quốc thường cao hơn mức tăng chung của cả nước. Bên cạnh những lợi thế của thị trường Trung Quốc, chúng ta cũng đang gặp nhiều bất lợi, bất an khi phụ thuộc nhiều vào thị trường này.

Tổng kim ngạch xuất nhập khẩu hàng hóa sang Trung Quốc năm 2013 lên tới gần 50 tỷ USD (tăng 22,0% so với năm 2012) trong đó xuất khẩu của Việt Nam sang thị trường này đạt 13,1 tỷ USD, chiếm tỷ trọng gần 10% tổng kim ngạch xuất khẩu cả nước và tăng 7,0% so với năm 2012. Theo báo cáo của Tổng cục Thống kê, xuất khẩu hàng hóa 6 tháng đầu năm 2014 của Việt Nam sang Trung Quốc là 7,4 tỷ USD, chiếm tỷ trọng 10,4% so với tổng kim ngạch xuất khẩu cả nước và tăng 20,8% so với cùng kỳ năm 2013. Một số mặt hàng xuất khẩu vào thị trường Trung Quốc tăng cao trong kỳ này là: dầu thô tăng 336,2%; gạo tăng 5,5%; phương tiện vận tải và phụ tùng tăng 763,4%; xơ, sợi dệt các loại tăng 52,7% (Bộ Công Thương, 2014).

Trong các năm qua, Trung Quốc là bạn hàng lớn trong xuất khẩu hàng hóa của Việt Nam, đặc biệt là nhóm hàng nông sản. Nhu cầu nông sản Trung Quốc hiện đang rất lớn, xu hướng tăng và khả năng tự đáp ứng của sản xuất nội địa chỉ xấp xỉ 50%. Những yêu cầu về hàng hóa nông sản cũng phù hợp với số

Bảng 1: Kim ngạch xuất nhập khẩu hàng hóa Việt Nam - Trung Quốc

Đơn vị: Triệu USD

Chỉ tiêu	So sánh	2010	2011	2012	2013
Tổng kim ngạch XNK	Cả nước	157075	203654	228309	263475
	Trung Quốc	27947	36479	41144	49907
	Tỷ trọng (%)	17,8	17,9	18,0	18,9
Xuất khẩu	Cả nước	72236	96905	114529	132175
	Trung Quốc	7743	11613	12388	13105
	Tỷ trọng (%)	10,7	11,9	10,8	9,9
Nhập khẩu	Cả nước	84839	106749	113780	131300
	Trung Quốc	20204	24866	28786	36802
	Tỷ trọng (%)	23,8	23,3	25,3	28,1

Nguồn : Tổng cục Thống kê (2014), Bộ Công Thương (2014) và tính toán của tác giả

lượng, chất lượng sản xuất của Việt Nam. Theo Vụ châu Á - Thái Bình Dương Bộ Công Thương, cơ cấu hàng xuất khẩu của Việt Nam sang Trung Quốc chủ yếu là nhóm hàng nông - lâm - thủy sản, chiếm tỷ trọng 31,2% trong tổng kim ngạch xuất khẩu hàng hóa của Việt Nam sang Trung Quốc và chiếm tỷ trọng 20,9% trong tổng kim ngạch xuất khẩu nhóm hàng này của cả nước. Tiếp theo là nhóm hàng máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện, chiếm 15,9%; nhóm hàng dệt may, giày dép các loại, chiếm gần 13,0%; nhóm hàng nhiên liệu và khoáng sản, chiếm khoảng 10,0%; còn lại là các nhóm hàng hóa khác.

Trung Quốc luôn là thị trường nhập khẩu hàng hóa lớn nhất của Việt Nam. Năm 2012 nhập khẩu hàng hóa từ Trung Quốc chiếm 25,3% tổng kim ngạch nhập khẩu của Việt Nam. So với năm 2011, nhập khẩu của Việt Nam từ Trung Quốc tăng 17,6%, cao gấp 2,5 lần tốc độ tăng của tổng kim ngạch nhập khẩu chung của cả nước. Nhập khẩu hàng hóa của Việt Nam từ Trung Quốc năm 2013 là 36,8 tỷ USD, chiếm tỷ trọng 28,1% tổng kim ngạch nhập khẩu cả nước và tăng 28,4% so với năm 2012. Hàng hóa nhập khẩu trong 6 tháng đầu năm 2014 của Việt Nam từ Trung Quốc, theo báo cáo của Tổng cục Thống kê, vẫn duy trì vị trí dẫn đầu với kim ngạch ước tính đạt 20,4 tỷ USD, chiếm tỷ trọng 29,3% so với tổng kim ngạch nhập khẩu cả nước và tăng 21,1% so với cùng kỳ năm 2013 (Tổng cục Thống kê, 2014).

Phần lớn nhóm hàng nguyên vật liệu phục vụ sản xuất hàng xuất khẩu của Việt Nam được nhập khẩu từ Trung Quốc. Trong các mặt hàng mà Việt Nam nhập khẩu từ Trung Quốc năm 2012, có khoảng 30 mặt hàng đạt kim ngạch trên 100 triệu USD, trong đó có 6 mặt hàng đạt kim ngạch trên 1 tỷ USD (lớn nhất là máy móc, thiết bị, dụng cụ phụ tùng; tiếp đến là điện thoại các loại và phụ tùng; máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện; vải; sắt thép; xăng dầu).

Có một số mặt hàng nhập khẩu từ Trung Quốc có kim ngạch chiếm tỷ trọng lớn trong tổng kim ngạch nhập khẩu mặt hàng tương ứng của cả nước, như: khí đốt 53,2%, phân bón 50,7%, rau hoa quả 48,8%, thuốc trừ sâu 46,1%, điện thoại các loại và linh kiện 45,4%, vải 43,4%, máy móc thiết bị dụng cụ phụ tùng 32,2%, nguyên phụ liệu dệt may da giày 30,2%, sắt thép 29,5%, hoá chất 27%, máy vi tính sản phẩm điện tử và linh kiện 26,6%, xơ sợi 26,4%, ô tô nguyên chiếc 25,1%,... Trong năm 2013, nhập khẩu nhóm máy móc, thiết bị, phụ tùng, dụng cụ chiếm khoảng 18% tổng kim ngạch nhập khẩu hàng hóa từ thị trường này; tiếp theo là nhóm nguyên phụ liệu dệt may da giày chiếm 15%; nhóm điện thoại các loại và linh kiện chiếm 15%; nhóm máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện chiếm 12%; nhóm sắt thép các loại và sản phẩm chiếm 9%; còn lại là các nhóm hàng hóa khác (Bộ Công Thương, 2014). Một số mặt hàng nhập khẩu từ thị trường Trung Quốc trong 6 tháng đầu năm 2014 giá trị tăng cao là: Máy móc tăng 30,3%; điện thoại tăng 11,3%; vải tăng 25,6%; sắt thép tăng 35,5% (Tổng cục Thống kê, 2014).

Nghiên cứu quan hệ xuất khẩu và nhập khẩu giữa Việt Nam và Trung Quốc trong những năm qua cho thấy, tốc độ tăng nhập khẩu của Việt Nam từ Trung Quốc luôn cao hơn tốc độ tăng xuất khẩu sang thị trường này. Cụ thể năm 2012 là 17,6% so với 10%, năm 2013 là 28,4% so với 7% và 6 tháng đầu năm 2014 là 21,1% so với 20,8%, nên nhập siêu của Việt Nam từ Trung Quốc tăng lên.

Trung Quốc là quốc gia Việt Nam nhập siêu lớn nhất, xu hướng nhập siêu tăng mạnh và sự lệ thuộc ngày càng nhiều. Trong 3 năm gần đây, xuất khẩu của Việt Nam sang Trung Quốc tăng trung bình hàng năm khoảng 800 triệu USD, nhưng nhập khẩu tăng khoảng 3-3,5 tỷ USD/năm từ thị trường này. Chênh lệch giữa xuất khẩu và nhập khẩu gia tăng

Bảng 2: Nhập siêu từ Trung Quốc so với cả nước

Đơn vị : Triệu USD

TT	Năm	Cả nước	Từ Trung Quốc	Tốc độ tăng (%)
1	2010	-12603	-12461	-
2	2011	-9844	-13253	6,3
3	2012	+749	-16398	23,7
4	2013	+875	-23697	44,5

Nguồn : Tổng cục Thống kê (2014), Bộ Công Thương (2014) và tính toán của tác giả

mạnh. Năm 2006, nhập siêu từ Trung Quốc là 4,148 tỷ USD bằng 81,92% tổng mức nhập siêu cả nước trong năm. Năm 2007, về giá trị là 9,063 tỷ USD và tỷ lệ là 64%. Năm 2008, về giá trị là 11,123 tỷ USD và tỷ lệ là 61%; Năm 2009, về giá trị là 10,008 tỷ USD và tỷ lệ là 90%; năm 2010 nhập siêu từ Trung Quốc đạt con số là 12,46 tỷ USD bằng 101% mức nhập siêu cả nước cả năm; đến năm 2013, nhập khẩu từ Trung Quốc tăng 28,4% trong khi xuất khẩu chỉ tăng 7,0% nên mức nhập siêu đối với thị trường này đã lên tới mức kỷ lục 23,8 tỷ USD, tăng mạnh so với năm 2012 (khoảng 44,5%). Trong 6 tháng đầu năm 2014 nhập siêu hàng hóa từ thị trường Trung Quốc vẫn gia tăng với giá trị ước tính đạt 13,1 tỷ USD, tăng 21,2% so với cùng kỳ năm 2013 (Tổng cục Thống kê, 2014).

Nguyên nhân chính làm cho Việt Nam nhập khẩu và nhập siêu lớn từ Trung Quốc là cấu trúc kinh tế lạc hậu; sản xuất trong nước ngày càng tăng, ngành công nghiệp phụ trợ còn hạn chế. Việc phụ thuộc vào Trung Quốc về các yếu tố đầu vào cho sản xuất của nhiều ngành dự báo sẽ ngày càng lớn nếu như Việt Nam không có giải pháp hữu hiệu. Nguyên nhân thứ hai là giá cả hàng hoá của Trung Quốc rẻ; hai nước có chung đường biên giới dài, tại các vùng biên giới xuất nhập khẩu tiêu ngạch phát triển, người dân qua lại mua bán thuận tiện, mua bán bằng tiền của cả hai nước, mặt hàng phong phú, đa dạng, phù hợp với thị hiếu tiêu dùng. Nguyên nhân thứ ba cần đặc biệt quan tâm là nhiều doanh nhân, doanh nghiệp Việt Nam vì lợi ích cục bộ, vì lợi nhuận cao nên không quan tâm tới chất lượng, bắt chập nhiều mặt hàng nhập khẩu từ thị trường Trung Quốc là công nghệ cũ lạc hậu, tiêu tốn nhiên liệu vẫn sẵn sàng làm hậu thuẫn cho thương nhân Trung Quốc. Trong nhiều trường hợp thực chất là của doanh nghiệp, doanh nhân Trung Quốc nhưng đội lốt doanh nhân, doanh nghiệp Việt Nam hoạt động. Nguyên nhân cuối cùng là các doanh nghiệp Trung Quốc dùng thủ thuật tiếp thị, bỏ thầu giá thấp các công trình tổng thầu rồi dây dưa kéo dài để điều chỉnh giá, vốn đầu tư và cung cấp các thiết bị không đúng yêu cầu.

3. Những đánh giá tổng quát về thương mại Việt Nam với Trung Quốc

3.1. Đánh giá chung

Trong quan hệ thương mại giữa hai nước, Việt Nam luôn ở trạng thái nhập siêu, tốc độ tăng nhập siêu ngày càng cao. Trung Quốc luôn có chiến lược khoa học, mục tiêu rõ ràng và tổ chức bài bản chặt chẽ trong quan hệ thương mại với các đối tác. Trong khi đó chúng ta thường bị động, lúng túng đối phó, thiếu tầm chiến lược và chưa tạo ra tiếng nói chung từ các cơ quan quản lý, doanh nghiệp và người dân.

Trong cả xuất khẩu và nhập khẩu Việt Nam đang ở vị thế yếu so với Trung Quốc. Các mặt hàng Việt Nam xuất khẩu sang Trung Quốc chủ yếu là nông sản thô, khoáng sản và các mặt hàng có giá trị gia tăng thấp, khó xuất khẩu vào thị trường các nước phát triển. Trong khi đó các mặt hàng như máy móc, thiết bị Việt Nam nhập khẩu từ Trung Quốc thường lạc hậu, tiêu tốn năng lượng và nguy cơ ô nhiễm môi trường và nguyên vật liệu nhập về thì kém chất lượng. Trong quan hệ “đầu vào – đầu ra” thì Việt Nam xuất nguyên liệu giá rẻ cho Trung Quốc và nhập hàng hóa giá cao.

Khoảng 1/4 đầu vào của nền kinh tế phụ thuộc vào thị trường Trung Quốc. Nhiều ngành phải nhập tới 70 – 80% nguyên liệu cho sản xuất từ Trung Quốc. Sự phụ thuộc quá lớn vào một thị trường nhiều bất ổn, bất thường, thiếu tin cậy như Trung Quốc sẽ có nhiều rủi ro, tiềm ẩn các nguy cơ bất lợi cho Việt Nam (Hoàng Đức Thân, 2011).

Nhiều sản phẩm xuất khẩu của Việt Nam do thương nhân Trung Quốc chi phối, lệ thuộc vào thương nhân Trung Quốc. Nó thể hiện sự yếu kém về công tác thị trường và hệ thống phân phối hàng hóa của Việt Nam.

Không chỉ vấn đề qui mô thương mại với Trung Quốc mà cần phải chú ý vấn đề an ninh kinh tế với Trung Quốc. Chủ đích tạo sự lệ thuộc đi đôi với phá hoại kinh tế của Trung Quốc là vấn đề phải cảnh giác và có sự hóa giải chủ động.

3.2. Kết luận vấn đề về giảm phụ thuộc vào thị trường Trung Quốc

Tác động trong ngắn hạn: Nặng nề nhất là thiếu nguyên liệu nên giảm sản xuất, giảm lượng hàng hóa cung ứng trên thị trường. Giảm xuất khẩu nhiều mặt hàng nông sản và kinh tế biên mậu. Việt Nam thua thiệt nhiều hơn so với Trung Quốc khi có cuộc chiến thương mại xảy ra tức thời.

Tác động trong dài hạn: Thời cơ để giảm lệ thuộc vào Trung Quốc. Điều kiện tốt để thay đổi thể chế và tái cấu trúc ngành thương mại. Bắt buộc sản xuất trong nước phải thay đổi để phát triển đa dạng các thị trường; thay đổi tổ chức sản xuất và tổ chức thương mại trong nước. Cơ hội để thu hút các nước khác đặc biệt là Hoa Kỳ, Nhật Bản, Hàn Quốc và EU vào Việt Nam. Đây cũng là cơ hội để Việt Nam tham gia vào mạng sản xuất, mạng phân phối khu vực và quốc tế, tham gia vào chuỗi giá trị toàn cầu.

Phải hành động quyết liệt, cụ thể chứ không phải chỉ khuyến nghị đối với cả chính phủ, doanh nghiệp và người dân. Chủ động, tích cực làm ngay chứ không chờ “có sự cố” với Trung Quốc mới tiến hành.

4. Khuyến nghị các giải pháp giảm tác động tiêu cực trong xuất nhập khẩu hàng hóa với Trung Quốc

4.1. Giải pháp trong ngắn hạn

Quản lý chặt chẽ hàng hóa xuất nhập khẩu với Trung Quốc. Đặc biệt là vấn đề truy xuất xuất xứ hàng hóa. Cấm xuất khẩu tài nguyên khoáng sản, hạn chế xuất nguyên liệu thô.

Xây dựng tiêu chuẩn và hàng rào thương mại, môi trường phù hợp với qui định của của tổ chức thương mại thế giới để kiểm soát hàng hóa nhập khẩu từ Trung Quốc.

Kiểm soát biên giới, hạn chế xuất nhập khẩu tiểu ngạch. Tước giấy phép kinh doanh, mạnh tay trừng trị các hành vi kinh doanh hàng nhập lậu, dùng hàng Trung Quốc giả hàng nước khác.

Thành lập Ban điều phối một số ngành hàng xuất khẩu chủ lực. Ban điều phối ngành hàng nghiên cứu, đề xuất với Chính phủ về cơ chế chính sách, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển ngành hàng theo hướng nâng cao năng lực cạnh tranh, chất lượng hàng hóa xuất khẩu, tham gia mạng sản xuất, mạng phân phối khu vực và quốc tế, tham gia chuỗi giá trị toàn cầu, nâng cao hiệu quả kinh tế, tạo nguồn hàng xuất khẩu bền vững. Xây dựng và cung cấp hệ thống thông tin, thúc đẩy xúc tiến xuất khẩu...

Tìm đối tác ở các nước đang phát triển thay thế nguồn nguyên liệu từ Trung Quốc. Thông qua các đối tác trung gian khi Trung Quốc sử dụng biện pháp thương mại với Việt Nam.

Mời trực tiếp các cơ quan xúc tiến, chuyên gia Hoa Kỳ, Nhật Bản, Hàn Quốc sang giúp nông dân, doanh nghiệp tổ chức sản xuất hàng hóa theo qui định của các nước này.

4.2. Giải pháp trong dài hạn

Tiếp tục thúc đẩy xuất khẩu hàng hóa sang Trung Quốc trên cơ sở khai thác lợi thế của Việt Nam. Khuyến khích xuất khẩu chính ngạch và hàng hóa chế biến sâu, giá trị gia tăng cao. Tích cực khai thác và tận dụng các lợi ích từ thị trường Trung Quốc. Đặc biệt khi xây dựng các chính sách kinh tế, thương mại phải hạn chế các nguy cơ bị lợi dụng từ phía Trung Quốc.

Tái cấu trúc nền kinh tế và phát triển công nghiệp hỗ trợ: Trong bối cảnh hội nhập quốc tế với sự thâm nhập của các cuộc cách mạng khoa học và công nghệ toàn cầu, cơ cấu kinh tế nước ta sẽ có điều kiện tốt cho sự chuyển dịch cơ cấu về chất, kết nối với cơ cấu kinh tế trong khu vực, làm tăng khả năng tăng trưởng kinh tế và đáp ứng được yêu cầu của phân công, hợp tác quốc tế và khu vực. Tái cấu trúc nền kinh tế nhằm tạo ra những động lực mới cho tăng trưởng. Chuyển từ mô hình gia công, lắp ráp theo mô đun sang mô hình tích hợp sản xuất và phát triển mạnh công nghiệp hỗ trợ trong chế biến nông sản, công nghiệp dệt may, ô tô, xe máy, điện tử... có ý nghĩa đặc biệt hướng tới giảm nhập siêu trong dài hạn (Hoàng Đức Thân, 2011).

Thúc đẩy quan hệ thương mại với Hoa kỳ, EU, Nhật Bản, Hàn Quốc. Việt Nam có cơ hội để hưởng lợi một khi tăng trưởng kinh tế Trung Quốc suy giảm và căng thẳng trong quan hệ với Hoa Kỳ, Nhật Bản và Hàn Quốc. Sự chuyển hướng của dòng vốn đầu tư nước ngoài ra khỏi Trung Quốc để đến các thị trường có điều kiện sản xuất tương đương nhưng bớt rủi ro hơn diễn ra rõ nét trong những năm qua. Việt Nam là điểm đến hấp dẫn với các nhà đầu tư với triển vọng gia nhập TPP trong những năm tới, trong khi Trung Quốc thì không tham gia hiệp định này. Trên thực tế, thu hút vốn FDI ròng của Trung Quốc đã liên tục sụt giảm kể từ năm 2008 trở lại đây (năm 2013 chỉ đạt 27,4 tỉ đô la Mỹ so với mức bình quân 55 tỉ đô la Mỹ của giai đoạn 2008-2012). Trong khi ở Việt Nam, dòng vốn FDI có sự khởi sắc, đặc biệt trong năm 2013 với mức tăng trưởng vốn đăng ký lên tới 54% so với cùng kỳ năm 2012. Xu hướng này dự kiến sẽ còn tiếp diễn trong năm 2014. Đặc biệt đầu tư từ Nhật Bản đã giảm sút rất mạnh từ năm 2012 đến nay và các nhà chính trị, các doanh nghiệp Nhật Bản mong muốn phát triển quan hệ với Việt Nam.

Tận dụng cơ hội do gia nhập TPP đem lại: Thực

trạng cấu trúc nền kinh tế và mức độ sẵn sàng của các doanh nghiệp, khả năng nhập siêu của Việt Nam với Trung Quốc trong các năm tới có thể vẫn ở mức cao. Tuy nhiên, điều này có khả năng thay đổi tích cực khi Việt Nam gia nhập Hiệp định Đối tác xuyên Thái Bình Dương (TPP). Khi tham gia TPP, các doanh nghiệp xuất khẩu tại Việt Nam sẽ phải chú ý nhiều hơn đến nguyên tắc xuất xứ hàng hóa để được hưởng các ưu đãi thuế suất từ TPP bằng cách chuyển sang nhập khẩu máy móc, nguyên phụ liệu từ các nước là thành viên tham gia ký kết hiệp định này, thay vì nhập khẩu từ Trung Quốc như hiện nay. Nhưng mặt khác cũng phải có giải pháp đối phó làn sóng đầu tư từ Trung Quốc vào một số ngành tại Việt Nam để họ hưởng lợi do Việt Nam tham gia TPP.

Thúc đẩy xuất khẩu trên cơ sở phát triển bền vững thị trường trong nước: Phương thức hữu dụng trong môi trường quốc tế nhiều biến động hiện nay nước ta cần áp dụng là công nghiệp hoá hướng vào xuất khẩu và phát triển vững chắc thị trường trong

nước. Từ cuộc khủng hoảng kinh tế toàn cầu năm 2008 và sự bất ổn kinh tế của nhiều quốc gia đã cho thấy chính sách khuyến khích tiêu dùng, kích cầu tiêu dùng là con đường phát triển bền vững, ổn định. Phát triển bền vững thị trường trong nước cũng có nghĩa là học tập tư duy mới là thúc đẩy điều chỉnh chính sách với trọng tâm là đẩy mạnh tiêu dùng. Những trọng tâm chủ yếu là: (i) Nâng cao năng lực tiêu dùng của dân cư; (ii) Cải thiện xu hướng tiêu dùng của người dân và (iii) Tăng cơ cấu tiêu dùng các sản phẩm dịch vụ (Hoàng Đức Thân, 2013).

Trong điều kiện Việt Nam đang hội nhập ngày càng sâu rộng với khu vực và quốc tế thì quan hệ phụ thuộc lẫn nhau giữa các quốc gia là tất yếu. Vấn đề là phải bảo đảm sự hợp lý, hiệu quả trong quan hệ thương mại quốc tế. Một mặt Việt Nam phải giảm sự lệ thuộc bất lợi, bất an và rủi ro, mặt khác không kém quan trọng là khai thác những lợi ích, lợi thế và hiệu ứng tích cực trong quan hệ thương mại với Trung Quốc. □

Tài liệu tham khảo

- Bộ Công Thương (2014), *Báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch thương mại năm 2013 và phương hướng năm 2014*, Hà Nội.
- Hoàng Đức Thân (2011), 'Tầm nhìn dài hạn cho vấn đề nhập siêu của Việt Nam', *Tạp chí Kinh tế và Phát triển*, số 171 (2), tr. 7-12.
- Hoàng Đức Thân (2013), 'Phục hồi và kích thích phát triển thị trường hàng hóa trong nước của Việt Nam hiện nay', *Tạp chí Kinh tế và Phát triển*, số 193, tr. 3-8.
- Tổng cục Thống kê (2014), *Tình hình Kinh tế xã hội 6 tháng đầu năm 2014*.

Assessing the trade relation between Vietnam and China

Abstract:

Exports and imports between Vietnam and China have always been at higher growth than Vietnam's national growth. The reality shows that export turnover of Vietnam to China accounts for over 10% of national export turnover, but import turnover makes up to 25% of the country's import turnover. Trade deficit with China increases considerably at high rate. This paper assesses short-term and long-term impacts when reducing the dependence on the China market. The paper also offers 6 short-term and 5 long-term solutions to minimizing negative impacts on trade relation with China.

Thông tin tác giả:

***Hoàng Đức Thân**, Giáo sư, Tiến sỹ, Giảng viên cao cấp.

- Tổ chức tác giả công tác: Viện Thương mại và Kinh tế quốc tế, Đại học Kinh tế quốc dân.

- Hướng nghiên cứu chính: Kinh tế vĩ mô; Kinh tế và quản lý thương mại, dịch vụ; Kinh doanh trong cơ chế thị trường; Lĩnh vực dịch vụ.

- Một số tạp chí đã đăng tải công trình nghiên cứu: *Tạp chí Kinh tế và Phát triển*, *Tạp chí Thương mại*; *Tạp chí Nghiên cứu Kinh tế*; *Tạp chí Cộng sản*; *Tạp chí Công nghiệp*; *Tạp chí hoạt động khoa học*.

- Địa chỉ liên hệ: Địa chỉ email: hoangducthan@gmail.com